

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Tên Công ty/Name of Company
Công ty cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội
Năm báo cáo/Year 2015

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0100779340, cấp thay đổi lần thứ 9 (chín), ngày cấp: 09/02/2015, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ/*Address*: Số 55 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: 04 37644795 - Số fax/*Fax*: 04 37644796
- *Website*: ctbt.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: BTH

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- *Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Tiền thân là Nhà máy Chế tạo Biến thể thuộc Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện, Bộ Công Thương, thành lập năm 1963. Năm 1994 góp 100% vốn thành lập Công ty liên doanh ABB. Tháng 1 năm 1999 tách ra khỏi Công ty liên doanh ABB thành lập lại Nhà máy Chế tạo Biến thể. Thực hiện cổ phần hóa tháng 3 năm 2005, tháng 9 năm 2005 hợp nhất với Công ty cổ phần Thiết bị điện Hà Nội thành Công ty cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội. Thời điểm niêm yết, ngày 04/01/2008 tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Thời điểm hủy niêm yết, ngày 07/05/2015 theo Quyết định số 196/QĐ-SGDHN ngày 10/4/2015 của SGDCK Hà Nội.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

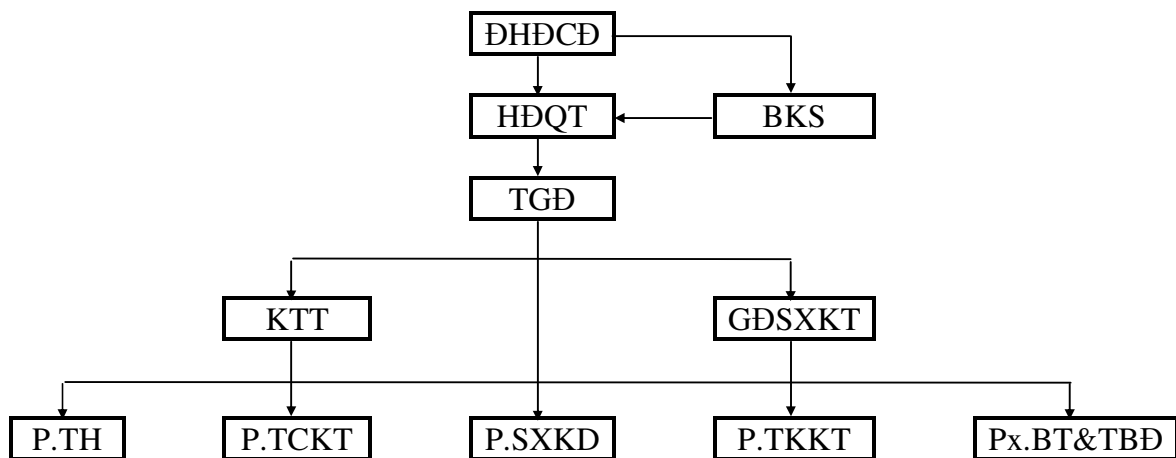
- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Sản xuất, kinh doanh máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện;

- + Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110kV;
 - + Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hoá, vật tư thiết bị điện, điện tử, thông tin viễn thông;
 - + Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường).
 - Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).
- Các tỉnh phía Bắc và Miền Trung.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*. Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*..

Ổn định tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, tìm kiếm thị trường tập trung sản xuất sản phẩm truyền thống của công ty, bao gồm máy biến áp, sản phẩm thiết bị điện;

Gia công một số chi tiết sản phẩm cho đơn vị khác;

Đại lý, bán hàng cho các đơn vị thành viên của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

- 5. Các rủi ro/ *Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc...

Căn cứ tình hình thực tế SXKD năm 2015, HĐQT có chấp thuận đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu thương mại, giảm từ 21 tỷ xuống 14 tỷ. Các chỉ tiêu khác không thay đổi. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	Kế hoạch	TH/ KH (%)
1	Tổng doanh thu thuần	đồng	27.593.190.242	26.000.000.000	106,13
a	Doanh thu SXCN	"	10.733.816.989	10.000.000.000	107,33
b	Doanh thu TM	"	14.780.047.472	14.000.000.000	105,57
c	Doanh thu Dịch vụ	"	2.079.325.781	2.000.000.000	103,95
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	735.093.232	500.000.000	147,02
3	Chi trả cổ tức	%/năm	0	0	
4	Thu nhập bình quân	đồng/ng/thg	3.103.187	2.500.000	124,13

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

Năm 2015, hoạt động SXKD của công ty về cơ bản đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch (sau điều chỉnh). Tuy nhiên, do doanh thu chính là sản xuất công nghiệp tổng mức còn thấp, không đủ bù đắp các khoản chi phí như chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định, đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động,... phát sinh lỗ về hoạt động kinh doanh.

Trong năm công ty có thu hồi được một phần nợ phải thu khó đòi và hoàn nhập dự phòng được 207 triệu đồng. Đồng thời xử lý tài chính, hạch toán vào thu nhập khác một số khoản phải trả nhưng không trả có liên quan đến việc thanh tra, quyết toán thuế tồn tại từ nhiều năm trước theo quyết định của HĐQT công ty, tổng số tiền là 2.593.255.842 đồng. Và thu về bán thanh lý TSCĐ, số tiền là 290 triệu đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015 đạt chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ thường niên đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

+ Ông Nguyễn Ngọc Minh, Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 02/01/1961

Nơi sinh: Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 9, ngõ 69, Phố Vọng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trình độ học vấn: Đại học

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0

+ Ông Nguyễn Thanh Dương, Giám đốc Sản xuất - Kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Thiết kế - Kỹ thuật

Sinh ngày: 26/04/1961 Nơi sinh: Nam Long, Nam Ninh, Nam Định

Địa chỉ thường trú: TT Biển thể, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ học vấn: Đại học

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.006

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0

+ Ông Đặng Xuân Sang, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán

Sinh ngày: 21/3/1959 Nơi sinh: Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Trình độ học vấn: Đại học

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

Ngày 29 tháng 01 năm 2015, HĐQT công ty có họp, ra nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc, theo đó, ông Nguyễn Ngọc Minh thôi giữ chức danh Tổng giám đốc kể từ ngày 01/02/2015; Đồng thời bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Trường, ủy viên HĐQT kể từ ngày 01/02/2015.

Sơ lược lý lịch ông Nguyễn Văn Trường

Sinh ngày: 05/05/1962 Nơi sinh: An Bình, Thuận Thành, Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: Khu Xóm Bến, Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

Trình độ học vấn: Đại học

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 43.500 cổ phần

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies*.

Số lượng cán bộ, nhân viên: 48 người, phân loại như sau:

Stt	Trình độ lao động	Số lao động			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Nam	Nữ	
1	Đại học, cao đẳng	20	14	6	41,67
2	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	17	15	2	35,42
3	Lao động phổ thông	11	6	5	22,91
	Cộng	48	35	13	100

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Trong năm 2015 công ty còn gặp nhiều khó khăn nên mới chỉ tập trung vào việc nâng cấp, sửa chữa phòng thí nghiệm MBA, cải tạo một phần nhà xưởng, sân bãi cho thuê. Chưa có kế hoạch triển khai dự án đầu tư, xây dựng mới.

Công trình đầu tư máy cắt tôn chéo được triển khai từ nhiều năm trước nhưng đến nay vẫn chưa đưa vào sử dụng được, nhà thầu đã nhiều lần đến hiệu chỉnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất nên phải dừng lại từ năm 2012 đến nay.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*: Không có

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	37.095.216.389	36.163.278.378	97,49
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	23.176.113.927	27.593.190.242	119,06
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	(1.248.720.958)	(2.084.574.136)	166,94
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	44.215.557	2.819.667.368	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	(1.204.505.401)	735.093.232	
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	(1.204.505.401)	735.093.232	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	0	0	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú/ <i>Note</i>
-----------------------------	-------------------	---------------	-------------------------

<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset - Inventories / Short term Debt</i>)</p>	1,92	2,27	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,32	0,28	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	1,11	1,41	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)</p>	(0,05)	0,03	
	(0,05)	0,28	
	(0,03)	0,02	
	(0,05)	(0,07)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets,*

the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/3/2015:

Stt	Phân loại	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	%/Vốn điều lệ
1	Cổ đông pháp nhân	18	1.741.514	49,76
2	Cổ đông thể nhân	264	1.758.486	50,24
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông khác	282	3.500.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Năm 2015, công ty hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ đề ra, có lợi nhuận, dùng để bù đắp một phần lỗ năm trước chuyển sang.

Đội ngũ cán bộ làm công tác kinh doanh, thương mại còn yếu, không mở rộng được thị trường.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Tài sản lưu động của công ty chủ yếu là vật tư, thành phẩm tồn kho từ nhiều năm nay. Việc mua các loại lõi tôn máy biến áp cũ và một số loại vật tư khác với số lượng lớn, giá trị cao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được hoặc không có nhu cầu sử dụng; sản phẩm sản xuất theo đơn hàng nhưng khách hàng không lấy tồn kho nhiều năm đến nay vẫn chưa xử lý được gây ứ đọng vốn của công ty.

Trong số tài sản cố định, có dây chuyền cắt chéo tôn đầu tư mua sắm từ nhiều năm, nhưng không đồng bộ, lạc hậu về kỹ thuật, không có thiết bị phù hợp để thay thế, sửa chữa, nên đến nay vẫn không sử dụng được. Một số thiết bị khác do thu hẹp về sản xuất nên cũng ít được sử dụng.

Nợ phải thu khó đòi kéo dài từ nhiều năm, chiếm phần lớn trong tổng số dư nợ phải thu. Công ty đã tích cực tìm kiếm giải pháp để đơn đốc thu hồi nợ nhưng còn gặp rất nhiều khó khăn, kết quả chưa được như mong muốn.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2015 là 10.184.381.758 đ, công ty có khả năng thanh toán.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Tiếp tục tổ chức, sắp xếp lại sản xuất;
- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty. Có cơ chế động viên, kích thích người lao động làm việc.
- Tăng cường công tác tiếp thị;
- Bổ sung nhân sự làm công tác kỹ thuật, nghiên cứu, thay đổi thiết kế máy biến áp.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

Trên cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: "Tại ngày 31/12/2015, tổng giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển là 11.446.041.352 đồng, trong đó giá trị nguyên vật liệu là 7.245.098.466 đồng, giá trị thành phẩm là 4.200.942.886 đồng. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015". Công ty giải trình như sau:

- Hàng tồn kho chậm luân chuyển nêu trên thực tế phát sinh từ nhiều năm trước, đã được đề cập đến cũng như giải trình tại các báo cáo tài chính hàng năm, kể từ năm 2012.

Do tính đặc thù của sản phẩm, sản phẩm bạc cán thép không thể cải tạo, sửa chữa được, trường hợp khách hàng không mua thì phải hủy bỏ; sản phẩm máy biến áp, thiết bị điện là sản phẩm đơn chiếc với yêu cầu kỹ thuật nhất định, được sản xuất theo đơn đặt hàng nhưng sau đó khách hàng không lấy còn tồn kho. Những sản phẩm này công ty có thể cải tạo để cung cấp cho khách hàng khác trong tương lai với yêu cầu về kỹ thuật phù hợp.

- Trong năm 2015, lãnh đạo chủ chốt của công ty từ Chủ tịch HĐQT, ủy viên HĐQT đến Tổng giám đốc đều có sự thay đổi do có việc chuyển nhượng toàn bộ vốn của cổ đông lớn là Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, cùng một số cổ đông nội bộ và người có liên quan. Ban lãnh đạo mới chưa có chủ trương đánh giá lại đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển nêu trên.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. *Đánh giá liên quan đến người lao động/ Review concerning the problems of workers*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Trong bối cảnh thị trường máy biến áp cạnh tranh gay gắt, thương hiệu CTBT giảm mạnh trên thị trường, việc sản xuất của Công ty năm 2015 tuy có khá hơn năm 2014

nhưng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh còn rất hạn chế, CBCNV không có đủ việc làm, thu nhập thấp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Năm 2015, Ban giám đốc có nhiều cố gắng trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bước đầu có hiệu quả. Năm 2016 cần tập trung đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, không khuyến khích tăng kinh doanh thương mại, tập trung vào việc đảm bảo an toàn vốn cho Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans, orientations of the Board of Directors*

HDQT xác định, việc sản xuất sản phẩm máy biến áp và thiết bị điện vẫn là trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của công ty.

HDQT tăng cường chỉ đạo việc rà soát, kiện toàn công tác quản lý, kiểm soát nội bộ, tăng cường kiểm soát chi phí, tích cực thu hồi nợ phải thu, thanh lý tài sản, vật tư ứ đọng lâu ngày không có nhu cầu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả hơn trong việc sử dụng vốn.

Phối hợp cùng Ban điều hành xem xét, cơ cấu lại sản xuất cho phù hợp với thực tế.

Giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, từng bước cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Danh sách thành viên HDQT nhiệm kỳ 2014-2019 như sau:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết			
			CP SH	CP ĐDSH	Cộng	Tỷ lệ (%)
1	Trịnh Việt Dũng	CT HDQT		875.000	875.000	25,00
2	Đoàn Thế Dũng	Ủy viên	36.417		36.417	1,04
3	Nguyễn Văn Trường	Ủy viên	43.500		43.500	1,24
4	Nguyễn Chân Phương	Ủy viên	67.765	350.000	417.765	11,94
5	Trịnh Thu Quỳnh	Ủy viên		332.091	332.091	9,49
	Cộng		147.682	1.557.091	1.704.773	48,71

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 06 phiên họp, ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty nói chung và cổ đông nói riêng. Thống nhất về mặt chiến lược, định hướng phát triển, chỉ đạo thực hiện KH SXKD, thông qua kết quả hoạt động kinh doanh, thông qua phương án tái cơ cấu các phòng ban và giải quyết lao động dôi dư, chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Danh sách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019 như sau:

Stt	Họ tên	Số CP có quyền biểu quyết		Tỷ lệ (%/VĐL)	Ghi chú
		CP cá nhân	CP đại diện SH		
1	Đình Hoàng Long	0	175.000	5,0	Trưởng ban
2	Lê Thị Thu Hương				Ủy viên
3	Nguyễn Thị Hậu	22.600	0	0,65	Ủy viên
	Cộng	22.600	175.000	5,65	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Thực hiện theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHD cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).*

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Lương	Thù lao	Ghi chú
A	Hội đồng quản trị			
1	Trịnh Việt Dũng		500.000	Chủ tịch HĐQT
2	Đoàn Thế Dũng		33.500.000	UV HĐQT
3	Nguyễn Văn Trường	141.400.000	500.000	UV HĐQT, Tổng giám đốc
4	Nguyễn Chân Phương		500.000	UV HĐQT
5	Trịnh Thu Quỳnh			"
6	Nguyễn Duy Trung		500.000	Thư ký HĐQT
B	Ban giám đốc			
1	Nguyễn Ngọc Minh	29.789.000	500.000	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Thanh Dương	79.020.100		Giám đốc SX-KT
3	Đặng Xuân Sang	82.066.200	500.000	KTT, Thư ký công ty
C	Ban kiểm soát	0		
	Tổng cộng	332.275.300	36.500.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).*

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:* (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in*

the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

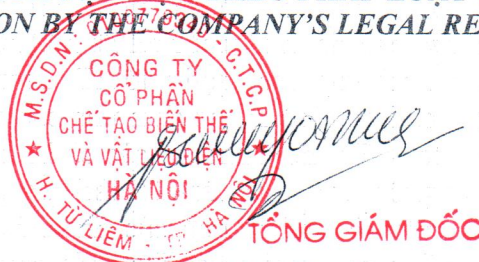
1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), ngày 09 tháng 03 năm 2016.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



Nguyễn Văn Trường